

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HS- ST

Ngày: 21- 7- 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Ông Nguyễn Đức Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST- HS ngày 23 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức Th- sinh ngày 21 tháng 7 năm 1989 tại huyện M, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn PN, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cao B sinh năm 1956 và bà Tạ Thị Th1 sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Tại Bản án số 97/2007/HSST ngày 24/9/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 17/01/2009 Nguyễn Đức Th chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

- Ngày 14/5/2010 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội ra Quyết định số: 1513/QĐ- CT áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng. Nguyễn Đức Th đã chấp hành xong.

- Tại Bản án số 96/2015/HSST ngày 29/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 08/02/2017 Nguyễn Đức Th chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2019; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Nguyễn Tiến D- sinh ngày 26 tháng 12 năm 1990 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con NLQ 9 sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Ch sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Năm 2008 bị Chủ tịch UBND huyện Đ ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 12 tháng.

- Ngày 02/12/2010 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L, Thành phố Hà Nội ra Quyết định số: 7595/QĐ- UBND áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng. Nguyễn Tiến D đã chấp hành xong.

Bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2020; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

* Bị hại:

- Bị hại 1- sinh năm 1981

Trú tại: Khu 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị hại 2- sinh năm 1974

Trú tại: Thôn 8, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị hại 3, thị trấn Đ

Người đại diện: Ông Lê Trung H- sinh năm 1958 (là Trưởng khu hành chính)

- Bị hại 4- sinh năm 1975

Trú tại: Khu 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị hại 5- sinh năm 1985

Trú tại: Khu 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị hại 6- sinh năm 1976

Trú tại: Thôn 2, xã Y, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị hại 7- sinh năm 1990

Trú tại: Khu hành chính TT, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị hại 8- sinh năm 1968

Trú tại: Thôn 7, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

(Nay là khu CĐ, xã P1, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ 1- sinh năm 1989

Trú tại: Khu 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- NLQ 2- sinh năm 1981

Trú tại: Khu 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- NLQ 3- sinh năm 1986

Trú tại: Khu 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- NLQ 4- sinh năm 1968

Trú tại: Khu 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- NLQ 5- sinh năm 1988

Trú tại: Thôn 8, xã ĐN, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
(Nay là khu NK, xã HN, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ)

- NLQ 6- sinh năm 1971

Trú tại: Khu 1, xã Tr, huyện P2, tỉnh Phú Thọ

- NLQ 7- sinh năm 1974

Trú tại: Xã L1, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

- NLQ 8- sinh năm 1988

Trú tại: Khu 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- NLQ 9- sinh năm 1964

Trú tại: Khu 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(NLQ 8 có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại và các bị hại đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2010 đến năm 2012, Nguyễn Đức Th sinh năm 1989 ở thôn PN, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội và Nguyễn Tiến D sinh năm 1990 ở khu 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ cùng cai nghiện bắt buộc tại Thành phố Hà Nội nên quen biết nhau. Khoảng tháng 7/2019, Th lên huyện Đ gặp D và cùng D đến chơi, ngủ lại nhà NLQ 1 sinh năm 1989 là bạn của D ở khu 9, xã N, huyện Đ. Do không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền chi tiêu lại ham chơi điện tử nên Th rủ D đi trộm cắp tài sản và D đồng ý. Trong khoảng thời gian từ ngày 11/7/2019 đến ngày 09/9/2019, Th và D đã cùng nhau thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, cụ thể như sau:

Vụ 1: Đêm 11 rạng sáng ngày 12/7/2019, Nguyễn Tiến D sử dụng xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel, biển kiểm soát 19H4-10xx của bố đẻ D là NLQ 9 sinh năm 1964 ở khu 7, xã N, huyện Đ cùng Nguyễn Đức Th đi từ xã N đến xã TC để trộm cắp tài sản. Khi đến trước cửa nhà Bị hại 1 sinh năm 1981 ở khu 10, xã N, huyện Đ, cả hai nhìn qua cửa kính thủy lực phát hiện trong phòng khách nhà Bị hại 1 có 01 chiếc ti vi. D đứng ở ven Quốc lộ 70, cách nhà Bị hại 1 khoảng 50m canh gác, còn Th trèo lên cột hiên, mở cửa tum vào nhà Bị hại 1 rồi theo cầu thang đi xuống phòng khách tầng 01. Th tháo dây nguồn, dây mạng cắm vào ti vi rồi đem chiếc ti vi nhãn hiệu Panasonic, màn hình phẳng 43 inch ra hiên tầng 2. D đi bộ đến đứng ở hiên tầng 01 đón ti vi do Th đưa xuống. Sau đó, D và Th sử dụng xe mô tô chở ti vi đi theo Quốc lộ 2 hướng thành phố VT. Khi đi đến xã Tr, huyện P2, tỉnh Phú Thọ, D và Th kiểm tra thấy ti vi bị vỡ màn hình. Khoảng 07 giờ cùng ngày, cả hai đem ti vi bán cho NLQ 6, sinh năm 1971, chủ cửa hàng sửa chữa ti vi ở khu 1, xã Tr với giá 200.000đ. D và Th đã cùng nhau chi tiêu hết số tiền này. NLQ 6 sau khi mua ti vi đã tháo linh kiện đem bán cho người không quen biết, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 15/10/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định chiếc ti vi nhãn hiệu Panasonic, màn hình phẳng, 43 inch của Bị hại 1 trị giá là 4.900.000đ.

Vụ 2: Đêm 15 rạng sáng ngày 16/8/2019, Nguyễn Tiến D cùng Nguyễn Đức Th vẫn sử dụng xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel, biển kiểm soát 19H4-10xx đi từ xã N theo Quốc lộ 2 hướng đi thành phố VT để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà Bị hại 2 sinh năm 1974 ở thôn 8, xã S, huyện Đ, thấy nhà Bị hại 2 đã tắt điện. D dừng xe đứng ở ven Quốc lộ 2 cách nhà Bị hại 2 khoảng 30m để canh gác, còn Th trèo mái tôn ở sân lên tầng 2, rồi tiếp tục trèo cột hiên lên tầng 3, mở cửa tum tầng 3 vào trong nhà Bị hại 2, đi theo cầu thang xuống phòng khách tầng 1, lấy chiếc 01 ti vi nhãn hiệu SamSung 49 inch, màn hình cong, đem lên tầng 3, dùng dây điện có sẵn ở tầng 3 buộc ti vi ròng xuống đất, sau đó Th trèo xuống theo lối cũ, đem ti vi ra cổng nhà Bị hại 2, cùng D sử dụng xe mô tô chở ti vi lên thành phố Q. Cả hai rẽ vào một ngõ nhỏ đứng chờ trời sáng. Khoảng 07 giờ cùng ngày, D và Th bán ti vi trộm cắp cho NLQ 7 sinh năm 1974 ở xã L1, thành phố Q được 5.000.000đ. D và Th đã chi tiêu hết số tiền này. Sau khi mua ti vi, NLQ 7 đã bán cho người không quen biết, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 15/10/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định chiếc ti vi nhãn hiệu SamSung, màn hình cong, 49 inch của Bị hại 2 có trị giá là 9.010.000đ.

Vụ 3: Tối 17/8/2019, Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D ngủ tại nhà NLQ 1. Đến đêm 17 rạng sáng ngày 18/8/2019, thấy cả nhà NLQ 1 đã ngủ, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển kiểm soát 19E1- 018.xx của NLQ 1 dựng ở sân, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa, D tự ý sử dụng xe mô tô cùng Th đi trộm cắp tài sản. Cả hai đi đến nhà Bị hại 6 sinh năm 1976 ở thôn 2, xã Y, huyện Đ. Lúc này, nhà Bị hại 6 đã tắt điện đi ngủ. D dừng xe đứng canh gác ở đường bê tông giáp nhà Bị hại 6, còn Th nhảy qua tường rào vào trong sân. Thấy cửa ngách phía sau nhà Bị hại 6 không khóa, Th mở cửa vào nhà, lấy 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sony 48 inch, màn hình phẳng màu đen, đem ra ngoài rồi cùng D chở ti vi về cất tại nhà NLQ 1. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, Th và D đem ti vi bán cho NLQ 4 sinh năm 1968 ở khu 9, xã N với giá 3.000.000đ và cùng nhau chi tiêu hết số tiền này. Khi bán, Th và D nói với NLQ 4 là ti vi thu nợ. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc ti vi trên.

Ngày 02/10/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định chiếc ti vi nhãn hiệu Sony, màn hình phẳng 48 inch của Bị hại 6 có trị giá là 6.800.000đ.

Vụ 4: Đêm 18 rạng sáng ngày 19/8/2019, Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D vẫn ngủ tại nhà NLQ 1, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 19E1-018.xx của NLQ 1 dựng ở sân, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa. D và Th tự ý sử dụng xe mô tô đi tìm tài sản trộm cắp. Khi đến Hội trường khu hành chính ĐT thị trấn Đ, huyện Đ (Bị hại 3), D dừng xe mô tô đứng canh gác bên ngoài, còn Th nhảy qua tường rào vào sân Hội trường. Phát hiện cửa sau Hội

trường không khóa, Th vào trong Hội trường, tháo phích điện lấy trộm 01 ti vi nhãn hiệu Sony 40 inch màn hình phẳng, màu đen, sau đó cùng D đem ti vi về cất ở nhà NLQ 1. Buổi sáng cùng ngày, Th và D đem ti vi đến bán cho NLQ 3 sinh năm 1986 ở khu 9, xã N, huyện Đ với giá 1.200.000đ, cùng nhau chi tiêu hết số tiền này. Th và D nói dối NLQ 3 nguồn gốc ti vi là tài sản thu nợ. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc ti vi trên.

Ngày 02/10/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định chiếc ti vi nhãn hiệu Sony màn hình phẳng, 40 inch của Bị hại 3 có trị giá là 3.750.000đ.

Vụ 5: Đêm 22 rạng sáng ngày 23/8/2019, Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D ngủ tại nhà NLQ 1, tiếp tục tự ý sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 19E1-018.xx của NLQ 1 đi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà Bị hại 4 sinh năm 1975 ở khu 10, xã N, huyện Đ, cả hai quan sát thấy nhà Bị hại 4 đã tắt điện, đi ngủ. D đứng ngoài canh gác, còn Th đi vào nhìn qua cửa sổ phòng khách, phát hiện thấy có 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S và Iphone 6S đang sạc pin để ở trên thành cửa sổ. Th dùng tay mở cửa sổ, rút dây sạc pin, lấy 02 chiếc điện thoại rồi cùng D quay về nhà NLQ 1 ngủ. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, D và Th đem chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S bán cho một cửa hàng điện thoại ở thành phố Q với giá 200.000đ. Còn chiếc điện thoại Iphone 6S Th bán cho một cửa hàng điện thoại ở Thành phố Hà Nội với giá 1.800.000đ. Tiền bán điện thoại Th đã chi tiêu hết. Cơ quan điều tra không thu hồi được 02 chiếc điện thoại trên.

Ngày 21/10/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định 02 chiếc điện thoại của Bị hại 4 có trị giá là 4.200.000đ.

Vụ 6: Đêm 24 rạng ngày 25/8/2019, Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D ngủ tại nhà NLQ 1, sau đó sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 19E1-018.xx của NLQ1 đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà Bị hại 5 sinh năm 1985 ở khu 5, xã N, huyện Đ, cả hai nhìn qua cửa kính thấy phòng khách nhà Bị hại 5 bật đèn ngủ, trong phòng có 01 ti vi nhãn hiệu Sony 48 inch màn hình phẳng. D và Th dựng xe mô tô ở đường bê tông cách nhà Bị hại 5 khoảng 50m rồi trèo vào qua tường rào sau nhà. Th đứng canh gác, còn D trèo qua ô thoáng phòng vệ sinh vào nhà Bị hại 5, sau đó mở cửa ngách để Th cùng vào. Th tháo giắc cắm và phích điện, lấy chiếc ti vi, sau đó cả hai mang về để tại nhà NLQ 1. Khoảng 06 giờ cùng ngày, Th và D đem chiếc ti vi này bán cho NLQ 2 sinh năm 1981 ở khu 9, xã N, huyện Đ với giá 4.000.000đ, nói dối NLQ 2 nguồn gốc ti vi là tài sản thu nợ tại thành phố Hà Nội. Th và D đã chi tiêu hết số tiền này. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc ti vi trên.

Ngày 05/9/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định chiếc ti vi nhãn hiệu Sony, màn hình phẳng, 48 inch của Bị hại 5 có trị giá là 8.360.000đ.

Vụ 7: Đêm 30 rạng ngày 31/8/2019, Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D ngủ tại nhà NLQ 1, tiếp tục sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 19E1-018.xx của NLQ 1 đi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà Bị hại 7 sinh năm 1990 ở khu hành

chính TT, thị trấn Đ, cả hai quan sát thấy nhà Bị hại 7 đã tắt điện. D dựng xe ở ven đường cách nhà Bị hại 7 khoảng 100m, rồi cùng Th đi ra phía sau nhà. D đứng ngoài canh gác, còn Th trèo qua ô thoáng nhà vệ sinh vào trong nhà Bị hại 7. Th mở cửa ngách phía sau nhà rồi đi vào phòng khách, tháo giắc cắm mạng Internet và phích điện, lấy 01 ti vi nhãn hiệu Sony 40 inch, màn hình phẳng, màu đen. Th đem ti vi đi ra theo lối cửa ngách, rồi cùng D chở ti vi về cất tại nhà NLQ 1. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Th và D đem chiếc ti vi bán cho NLQ 5 sinh năm 1988 ở thôn 8, xã ĐN (nay là khu NK, xã HN), huyện Đ với giá 2.500.000đ, nói dối NLQ 5 là ti vi cũ của gia đình. Th và D đã chi tiêu hết số tiền này. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc ti vi trên.

Ngày 02/10/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định chiếc ti vi nhãn hiệu Sony, màn hình phẳng, 40 inch của Bị hại 7 có trị giá là 3.750.000đ.

Vụ 8: Đêm 08 rạng ngày 09/9/2019, Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D ngủ tại nhà NLQ 1, tự ý sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 19E1- 018.xx của NLQ1 đi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà Bị hại 8 sinh năm 1968 ở thôn 7, xã P (nay là khu CĐ, xã P1), huyện Đ, cả hai quan sát thấy nhà Bị hại 8 khóa cửa, tắt điện nên dừng xe lại. D đứng ngoài canh gác, còn Th đi bộ ra sau vườn vị trí tầng âm nhà Bị hại 8, sử dụng 01 đoạn thân cây tre khô dài 4m, đường kính 10cm có sẵn tại vườn, gác lên tường nhà rồi trèo lên, chui qua ô thoáng nhà vệ sinh tầng 1, đột nhập vào nhà, đi ra phòng khách tháo giắc dây mạng internet và phích điện, lấy 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung 55 inch, màn hình phẳng, rồi mang ti vi đi theo cầu thang lên tầng 2, dùng đoạn dây điện cũ của gia đình Bị hại 8 để ở hiên nhà buộc ti vi ròng xuống đất cho D đón phía dưới, rồi Th trèo ra mái tôn sân tầng 1, nhảy xuống đất. Sau đó cả hai mang ti vi về cất giấu ở bụi tre cách nhà NLQ 1 khoảng 100m. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc ti vi trên.

Ngày 02/10/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định chiếc ti vi nhãn hiệu Sam Sung, màn hình phẳng, 55 inch của Bị hại 8 có trị giá là 10.800.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT- VKSĐH ngày 21/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố Nguyễn Đức Th, Nguyễn Tiến D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Đức Th, Nguyễn Tiến D phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự : Xử phạt Nguyễn Tiến D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 21/5/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Đức Th từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 30/9/2019.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xác nhận: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đoan Hùng đã trả cho:

+ Bị hại 5: 01 ti vi nhãn hiệu Sony 48 inch màu đen, sản xuất tháng 10/2018;

+ Ông Lê Trung H (Trưởng khu, đại diện khu hành chính ĐT, thị trấn Đ, huyện Đ là Bị hại 3) 01 ti vi nhãn hiệu Sony 40inch, màu đen, sản xuất năm 2014;

+ Bị hại 6: 01 ti vi nhãn hiệu Sony 48 inch màu đen, sản xuất năm 2017;

+ Bị hại 8: 01 ti vi nhãn hiệu SamSung 55 inch màu đen, sản xuất năm 2018;

+ Bị hại 7: 01 ti vi nhãn hiệu Sony 40 inch, màu đen, sản xuất 2014.

- Trả lại cho NLQ1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng biển kiểm soát 19E1-018.xx.

* Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận: Gia đình bị cáo Nguyễn Tiến D đã bồi thường cho:

- Bị hại 1: 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng);

- Bị hại 2: 9.010.000đ (Chín triệu không trăm mười nghìn đồng);

- Bị hại 4: 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

* Án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo: Nguyễn Đức Th, Nguyễn Tiến D khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì. NLQ 8 không tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, nói lời sau cùng, các bị cáo: Nguyễn Đức Th, Nguyễn Tiến D đều xin lỗi các bị hại, mong được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/7/2019 đến ngày 09/9/2019, Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D đã cùng nhau thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản, trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (gồm 07 ti vi và 02 điện thoại di động), trị giá tài sản trộm cắp của mỗi vụ đều trên 2.000.000đ. Tổng trị giá tài sản mà Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D chiếm đoạt là 51.570.000đ (Năm mươi một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....”.

[4] Hành vi của Nguyễn Đức Th, Nguyễn Tiến D đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng ham mê điện tử, muốn có tiền tiêu xài nhưng không chịu lao động nên đã liên tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản tại nhiều xã trên địa bàn huyện Đ trong thời gian kéo dài 02 tháng mới bị phát hiện, khiến nhân dân lo lắng, bất bình. Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D đều đã từng bị xử lý hành chính, riêng Th còn 02 lần bị kết án về các tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích. Cả hai bị cáo đều bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng là “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần

áp dụng hình phạt tù đối với cả hai bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

Tuy nhiên, khi lượng hình, cần xem xét về vai trò, tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt phù hợp, cụ thể:

Nguyễn Đức Th là người khởi xướng việc trộm cắp và là người thực hành tích cực, hầu hết các vụ trộm cắp Th đều trực tiếp đột nhập vào nhà để lấy tài sản. Th được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do đã khai báo thành khẩn và chủ động khai báo thêm các vụ trộm cắp mà bị hại không trình báo.

Nguyễn Tiến D là người thông thuộc địa bàn, nên trong các vụ trộm cắp D thường điều khiển xe chở Th, tìm địa điểm để trộm cắp. Khi Th đột nhập vào nhà lấy tài sản, D ở ngoài cảnh giới, hỗ trợ Th đưa tài sản ra ngoài, sau đó tìm chỗ tiêu thụ. Nguyễn Tiến D được áp dụng 04 tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 và 02 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là: Thành khẩn khai báo; tích cực tác động để gia đình bồi thường; các bị hại là Bị hại 1, Bị hại 2, Bị hại 4 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D; bố đẻ D được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang.

Căn cứ phân tích trên, thì mức hình phạt đối với Nguyễn Đức Th cần cao hơn Nguyễn Tiến D. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt áp dụng đối với mỗi bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét Nguyễn Đức Th, Nguyễn Tiến D đều không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] NLQ 2, NLQ 3, NLQ 4, NLQ 5, NLQ 6 và NLQ 7 khi mua ti vi do Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D trộm cắp đều không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với họ là phù hợp.

[7] Nguyễn Đức Th và Nguyễn Tiến D sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 19E1-018.xx của NLQ1 và xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel, biển kiểm soát 19H4-10xx của NLQ 9 để đi trộm cắp, nhưng NLQ 9 và NLQ1 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với họ là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trả lại vật chứng là tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được cho 05 bị hại gồm: Bị hại 3, Bị hại 5, Bị hại 6, Bị hại 7, Bị hại 8. Việc xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật, cần xác nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

NLQ 8 là anh trai bị cáo Nguyễn Tiến D đã thay bị cáo bồi thường xong cho 03 bị hại có tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được gồm: Bị hại 1, Bị hại 2, Bị hại 4. NLQ 8 không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền anh đã bồi thường,

nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết. Việc NLQ 8 bồi thường thay cho bị cáo Nguyễn Tiến D là tự nguyện; tại phiên tòa NLQ 8 và các bị cáo không có ý kiến gì khác, cần xác nhận.

Toàn bộ các bị hại đều đã được bồi thường hoặc nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản tiền nào; NLQ 2, NLQ 3, NLQ 4, NLQ 5 đã tự nguyện giao nộp lại các ti vi đã mua của Nguyễn Đức Th, Nguyễn Tiến D, không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không phải giải quyết.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức Th, Nguyễn Tiến D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Đức Th 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 30/9/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Tiến D 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 21/5/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Nguyễn Đức Th, Nguyễn Tiến D.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xác nhận: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trả cho:

+ Bị hại 5: 01 ti vi nhãn hiệu Sony 48 inch màu đen, sản xuất tháng 10/2018;

+ Ông Lê Trung H (Trưởng khu, đại diện Khu hành chính ĐT, thị trấn Đ, huyện Đ là bị hại 3): 01 ti vi nhãn hiệu Sony 40inch màu đen, sản xuất năm 2014;

+ Bị hại 6: 01 ti vi nhãn hiệu Sony 48 inch màu đen, sản xuất năm 2017;

+ Bị hại 8: 01 ti vi nhãn hiệu SamSung 55 inch màu đen, sản xuất năm 2018;

+ Bị hại 7: 01 ti vi nhãn hiệu Sony 40 inch màu đen, sản xuất năm 2014.

(Có biên bản về việc trả lại tài sản lưu trong hồ sơ).

- Trả lại cho NLQ1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển kiểm soát 19E1-018.xx (đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).

* Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận: Gia đình bị cáo Nguyễn Tiến D đã bồi thường cho:

- Bị hại 1: 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng);
- Bị hại 2: 9.010.000đ (Chín triệu không trăm mười nghìn đồng);
- Bị hại 4: 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo: Nguyễn Đức Th, Nguyễn Tiến D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại; người có QL, NVLQ;
- UBND xã T;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa